

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.047.962.675.981</b>	<b>4.970.273.667.411</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>62.508.200.098</b>	<b>98.527.009.757</b>
1. Tiền	111		21.016.802.429	15.983.612.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.491.397.669	82.543.397.504
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>984.381.895.716</b>	<b>928.319.440.351</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	937.946.851.180	877.660.823.827
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.680.207.682	10.736.495.490
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	41.754.836.854	39.922.121.034
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.998.710.260.365</b>	<b>3.941.134.196.697</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	3.998.710.260.365	3.941.134.196.697
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.362.319.802</b>	<b>2.293.020.606</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	2.329.364.437	2.293.020.606
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.07	32.955.365	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.674.783.715.910</b>	<b>1.744.106.695.311</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>867.729.784.828</b>	<b>929.445.618.551</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	404.106.771.744	469.213.477.794
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	463.623.013.084	460.232.140.757
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>606.520.726.560</b>	<b>614.618.097.784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	604.092.544.489	612.059.296.700
- Nguyên giá	222		865.691.277.008	865.513.067.028
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(261.598.732.519)	(253.453.770.328)



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.09</b>	<b>2.428.182.071</b>	<b>2.558.801.084</b>
- Nguyên giá	228		4.836.480.685	4.836.480.685
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.408.298.614)	(2.277.679.601)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>177.068.846.901</b>	<b>177.996.770.661</b>
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8.022.131.760)	(7.094.208.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.377.481.005</b>	<b>11.377.481.005</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	11.377.481.005	11.377.481.005
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.086.876.616</b>	<b>10.668.727.310</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	12.086.876.616	10.668.727.310
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.722.746.391.891</b>	<b>6.714.380.362.722</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.627.153.212.065</b>	<b>3.649.419.426.043</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.785.443.448.242</b>	<b>1.857.807.476.713</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	333.865.461.364	336.635.018.183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.751.862.478	4.944.066.712
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.400.600.623	70.309.295.563
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.799.706.250	1.914.598.218
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	351.671.059.582	345.308.096.049
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	400.764.625.956	381.341.085.592
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	684.190.131.989	716.754.048.744
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	-	601.267.652
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.841.709.763.823</b>	<b>1.791.611.949.330</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	255.694.197.000	255.694.197.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	294.025.112.789	247.760.614.300
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-

80  
 DN  
 SỐ  
 T  
 K  
 ĐẦU

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	31.711.625.910	31.342.625.910
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	778.500.000	1.117.528.879
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	1.259.500.328.124	1.255.696.983.241
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.095.593.179.826</b>	<b>3.064.960.936.679</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>3.095.593.179.826</b>	<b>3.064.960.936.679</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.606.382.163	81.606.382.163
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		261.621.321.663	230.989.078.516
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		230.989.078.516	230.989.078.516
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		30.632.243.147	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6.722.746.391.891</b>	<b>6.714.380.362.722</b>

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

Tổng giám đốc



ĐO QUANG NGÔN



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2015	Quý 1 Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.826.210.489	74.818.442.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		808.584.073	1.473.845.702
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	120.017.626.416	73.344.597.047
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	59.954.211.954	31.349.389.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.063.414.462	41.995.207.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	276.971.459	155.564.789
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	10.397.982.614	8.430.986.600
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.175.974.812	8.430.986.600
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.252.205.098	7.680.960.508
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.570.282.232	5.547.573.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		37.119.915.977	20.491.251.990
11. Thu nhập khác	31	VI.7	76.485.316	139.702.619
12. Chi phí khác	32	VI.8	41.707.616	1.352.022.654
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		34.777.700	(1.212.320.035)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.154.693.677	19.278.931.955
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	6.522.450.530	1.405.409.002
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		30.632.243.147	17.873.522.953
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1/2015 tăng 71% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 1/2015 tổng doanh thu ghi nhận tăng 63% (doanh thu hoạt động thu phí tăng 5%, doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 253%) so với cùng kỳ năm trước, tổng chi phí tăng 53%, lợi nhuận trước thuế TNDN tăng 93%, thuế TNDN tăng 364% do năm 2015 dự án 1 thu phí QL13 đã hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế TNDN.

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

Tổng giám đốc



ĐỖ QUANG NGÔN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.154.693.677	19.278.931.955
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.11,12,14	9.203.504.964	9.179.121.670
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(500.121.024)	(163.961.112)
- Chi phí lãi vay	06		7.175.974.812	8.430.986.600
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.034.052.429	36.725.079.113
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.659.629.219	24.508.619.070
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.480.406.160)	4.044.934.241
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		29.606.936.979	(25.594.503.304)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.454.493.137)	3.858.623.472
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(48.492.394.203)	(3.873.235.467)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.301.124.965)	(10.930.199.756)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		35.407.884.372	7.087.480.880
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.854.187.781)	(10.102.902.474)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.874.103.247)</b>	<b>25.723.895.775</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(178.209.980)	(827.448.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		794.075.440	209.550.538
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>615.865.460</i>	<i>(617.897.462)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18,27	30.189.109.706	29.909.403.237
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(58.949.681.578)	(50.438.864.251)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(17.512.220.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(28.760.571.872)</i>	<i>(38.041.681.014)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(36.018.809.659)</i>	<i>(12.935.682.701)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	98.527.009.757	44.063.099.828
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	62.508.200.098	31.127.417.127

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 25 tháng 04 năm 2015

Tổng giám đốc



ĐỖ QUANG NGÔN

# **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1 Năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, kinh doanh bất động sản, xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**  
Doanh thu và lợi nhuận kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước chủ yếu là do công ty triển khai bán dự án IJC Vĩnh Tấn nên doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản tăng.

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Phương tiện vận tải, truyền dẫn  
Thiết bị, dụng cụ quản lý

06  
05 – 08

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

##### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **10. Đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi Công ty con bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **11. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13***

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

##### ***Thiết bị thu phí tự động***

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **13. Trợ cấp thôi việc**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### **14. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 15. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 16. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 17. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

##### ***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

##### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **19. Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ bao gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản vay và nợ phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **21. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	631.071.814	1.944.579.102
Tiền gửi ngân hàng	20.385.730.615	14.039.033.151
Các khoản tương đương tiền (*)	41.491.397.669	82.543.397.504
<b>Cộng</b>	<b>62.508.200.098</b>	<b>98.527.009.757</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Phải thu của khách hàng

#### a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng mua nhà, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng phố thương mại IJC2	9.166.760.400	9.203.760.400
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án The Green River	54.477.065.504	54.683.465.504
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị IJC	145.891.609.881	134.294.519.623
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	46.717.067.000	38.679.713.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	102.317.875.902	94.621.319.207
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản - tiền xây dựng Lô F13-68 căn khu phố Phú An, Mỹ Phước	4.112.500.000	4.112.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên - Trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	358.442.278
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô D2-VĐ4	1.005.145.224	1.005.145.224
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án IJC Vĩnh Tân	335.346.214.965	308.725.386.950
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex - thuê mặt bằng, trang thiết bị	412.500.000	419.199.200
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	70.591.196.914	64.697.002.234
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án tái định cư Hòa Lợi	164.856.019.950	164.856.019.950
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex - thuê mặt bằng, trang thiết bị, bán tài sản, công cụ	1.245.000.000	354.000.000
Các khách hàng khác	1.449.453.162	1.650.350.257
<b>Cộng (1)</b>	<b>937.946.851.180</b>	<b>877.660.823.827</b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị IJC	173.099.264.171	190.719.487.171
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	50.998.815.000	59.202.169.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	100.078.416.573	111.888.986.073
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	70.104.635.700	80.839.910.700
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án IJC Vĩnh Tân	-	16.737.284.550
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án tái định cư Hòa Lợi	9.825.640.300	9.825.640.300
<b>Cộng (2)</b>	<b>404.106.771.744</b>	<b>469.213.477.794</b>
<b>Cộng phải thu của khách hàng ((1)+(2))</b>	<b>1.342.053.622.924</b>	<b>1.346.874.301.621</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### c. Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	44.140.831.236	44.140.933.127
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	412.500.000	419.199.200
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	1.245.000.000	354.000.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị	163.758.663.850	163.758.663.850
<b>Cộng</b>	<b>209.556.995.086</b>	<b>208.672.796.177</b>

#### 3. Trả trước cho người bán

Trả trước cho các nhà cung cấp trong nước.

#### 4. Phải thu khác

##### a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền gửi dự thu	-	293.954.416
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	621.950.000	621.950.000
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	1.927.797.072	705.818.255
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	15.710.322	15.710.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	519.185.577	515.495.577
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu tiền cổ tức năm 2014 - Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	4.054.804.082	4.054.804.082
Các khoản phải thu khác	1.415.392.730	18.643.058
Tạm ứng công tác	1.195.906.071	1.565.654.324
Tạm ứng để đặt cọc môi giới bất động sản	2.004.091.000	2.130.091.000
<b>Cộng (1)</b>	<b>41.754.836.854</b>	<b>39.922.121.034</b>

##### b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên - tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center (*)	463.225.849.944	459.663.662.617
Ký quỹ, ký cược	397.163.140	568.478.140
<b>Cộng (2)</b>	<b>463.623.013.084</b>	<b>460.232.140.757</b>
<b>Cộng Phải thu khác ((1)+(2))</b>	<b>505.377.849.938</b>	<b>500.154.261.791</b>

(\*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m<sup>2</sup>, có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### c. Trong đó phải thu khác là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	493.225.849.944	489.663.662.617
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	4.054.804.082	4.054.804.082
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	6.708.728	4.046.334
<b>Cộng</b>	<b><u>497.287.362.754</u></b>	<b><u>493.722.513.033</u></b>

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.571.758	22.614.373
Công cụ, dụng cụ	2.099.068.587	2.232.333.547
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(i)</sup>	3.975.318.533.046	3.917.667.475.003
Hàng hóa bất động sản	21.280.086.974	21.211.773.774
<b>Cộng</b>	<b><u>3.998.710.260.365</u></b>	<b><u>3.941.134.196.697</u></b>

<sup>(i)</sup> Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị IJC có số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 2.146.983.874.978 VND (số dư đầu năm là 2.140.015.968.596 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương.

#### 6. Chi phí trả trước

##### a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quảng cáo	2.252.452.743	2.252.452.742
Chi phí khác	76.911.694	40.567.864
<b>Cộng (1)</b>	<b><u>2.329.364.437</u></b>	<b><u>2.293.020.606</u></b>

##### b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	6.015.381.578	6.779.932.680
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	2.439.352.686	-
Thiết bị thu phí tự động	3.632.142.352	3.888.794.630
<b>Cộng (2)</b>	<b><u>12.086.876.616</u></b>	<b><u>10.668.727.310</u></b>
<b>Cộng-chi phí trả trước {(1)+(2)}</b>	<b><u>14.416.241.053</u></b>	<b><u>12.961.747.916</u></b>

#### 7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	831.620.021.780	1.460.459.924	5.320.336.408	27.112.248.916	865.513.067.028
Mua trong kỳ	-	-	-	178.209.980	178.209.980
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>831.620.021.780</b>	<b>1.460.459.924</b>	<b>5.320.336.408</b>	<b>27.290.458.896</b>	<b>865.691.277.008</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.299.226.395	267.209.795	1.854.641.217	10.977.753.146	14.398.830.553
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	232.737.321.321	1.186.915.845	3.537.489.176	15.992.043.986	253.453.770.328
Khấu hao trong kỳ	7.312.012.278	56.042.914	130.982.976	645.924.023	8.144.962.191
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>240.049.333.599</b>	<b>1.242.958.759</b>	<b>3.668.472.152</b>	<b>16.637.968.009</b>	<b>261.598.732.519</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	598.882.700.459	273.544.079	1.782.847.232	11.120.204.930	612.059.296.700
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>591.570.688.181</b>	<b>217.501.165</b>	<b>1.651.864.256</b>	<b>10.652.490.887</b>	<b>604.092.544.489</b>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 763.842.254.567 VND và 532.251.032.527 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương.

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4.836.480.685	2.277.679.601	2.558.801.084
Mua trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	130.619.013	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.836.480.685</b>	<b>2.408.298.614</b>	<b>2.428.182.071</b>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.650.394.021	

#### 10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	185.090.978.661	7.094.208.000	177.996.770.661
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	927.923.760	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>185.090.978.661</b>	<b>8.022.131.760</b>	<b>177.068.846.901</b>

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	2.071.084.365	5.979.948.545
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	2.874.910.848	5.754.101.873

#### 11. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex <sup>(a)</sup>	5.377.481.005	5.377.481.005
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex <sup>(b)</sup>	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.377.481.005</b>	<b>11.377.481.005</b>

<sup>(a)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701906616, thay đổi lần 03 ngày 25 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex (trước đây là Công ty TNHH một thành viên IJC) là 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

<sup>(b)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702280392, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex là 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

#### 12. Phải trả người bán

##### a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	332.161.453.831	332.161.453.831
Các nhà cung cấp khác	1.704.007.533	4.473.564.352
<b>Cộng (1)</b>	<b>333.865.461.364</b>	<b>336.635.018.183</b>

##### b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	255.694.197.000	255.694.197.000
<b>Cộng (2)</b>	<b>255.694.197.000</b>	<b>255.694.197.000</b>
<b>Cộng phải trả người bán {(1)+(2)}</b>	<b>589.559.658.364</b>	<b>592.329.215.183</b>

##### c. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	587.855.650.831	587.855.650.831
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	688.995.000	688.995.000
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	-	60.830.988
<b>Cộng</b>	<b>588.544.645.831</b>	<b>588.605.476.819</b>

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	493.600.000	707.350.000
Dự án phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	695.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án chung cư IJC Aroma	1.574.536.000	1.574.536.000
Dự án The Green River	560.137.500	560.137.500
Khách hàng trang trí nội thất	712.359.000	712.359.000
Dự án Khu dân cư IJC Vĩnh Tân	112.200.000	48.400.000
Khách hàng khác	604.029.978	646.284.212
<b>Cộng</b>	<b>4.751.862.478</b>	<b>4.944.066.712</b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.004.317.163	5.168.943.498	(33.298.800.568)	1.874.460.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.301.124.965	6.526.140.530	(39.301.124.965)	6.526.140.530
Thuế thu nhập cá nhân	1.003.853.435	34.100.779	(1.070.909.579)	(32.955.365)
Các loại thuế khác (*)	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>70.309.295.563</b>	<b>11.733.184.807</b>	<b>(73.674.835.112)</b>	<b>8.367.645.258</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không chịu thuế
- Các hoạt động khác: 10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rớt giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm thứ 04 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.154.693.677	19.278.931.955
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.286.002.654
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	37.154.693.677	20.564.934.609
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh thu phí	31.470.292.324	28.353.423.746
- Hoạt động kinh doanh khác	5.684.401.353	(7.788.489.137)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo dự tính</b>	<b>8.174.032.610</b>	<b>4.524.285.614</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T</b>	<b>(1.651.582.080)</b>	<b>(3.118.876.612)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.522.450.530</b>	<b>1.405.409.002</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.690.000	(115.165.618)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>6.526.140.530</b>	<b>1.290.243.384</b>

**Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. **Phải trả người lao động**  
Tiền lương tháng 3 năm 2015 còn phải trả.

16. **Chi phí phải trả**  
a. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma, shop Aroma	50.565.743.524	50.565.743.524
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án phố thương mại IJC2	229.804.274	229.804.274
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	65.623.805.733	65.623.805.733
Chi phí lãi vay	36.277.777.784	32.171.437.968
Chi phí tiếp thị, môi giới	3.456.243.031	3.842.545.438
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	155.360.002	155.360.002
Lãi chậm trả cổ tức cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	33.556.921.758	30.334.913.956

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	131.353.289.385	131.353.289.385
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	30.452.114.091	30.452.114.091
Chi phí khác	-	579.081.678
<b>Cộng (1)</b>	<b><u>351.671.059.582</u></b>	<b><u>345.308.096.049</u></b>
<b>b. Chi phí phải trả dài hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung cư IJC Aroma, shop Aroma	65.749.938.354	65.749.938.354
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án The Green River	66.245.118.261	66.245.118.261
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	106.427.635.927	60.163.137.438
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Prince Town	55.602.420.247	55.602.420.247
<b>Cộng (2)</b>	<b><u>294.025.112.789</u></b>	<b><u>247.760.614.300</u></b>
<b>Cộng chi phí phải trả {(1)+(2)}</b>	<b><u>645.696.172.371</u></b>	<b><u>593.068.710.349</u></b>
<b>17. Phải trả khác</b>		
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	80.788.771	89.836.470
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.627.928.746	24.133.935.624
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	1.353.032.015	1.188.108.400
Cổ tức phải trả	322.720.724.700	322.720.724.700
Phí bảo trì chung cư IJC Aroma	7.752.228.359	7.752.228.359
Phí bảo trì chung cư New Horizon	529.735.639	521.350.587
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	196.845.087	196.845.087
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.017.316.160	1.017.316.160
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	30.659.603.799	21.238.822.512
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	3.135.605.877	1.338.332.622
Thù lao Hội đồng quản trị	682.000.00	682.000.000
Các khoản phải trả khác	2.690.816.803	461.585.071
<b>Cộng</b>	<b><u>400.764.625.956</u></b>	<b><u>381.341.085.592</u></b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>		
Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.		

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 18. Vay và nợ thuê tài chính

##### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng <sup>(a)</sup>	138.279.507.753	142.504.048.744
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	45.910.624.236	74.250.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả <sup>(b)</sup>	500.000.000.000	500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>684.190.131.989</u></b>	<b><u>716.754.048.744</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 38.050 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014.

(b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.

- Ngày phát hành : ngày 01 tháng 6 năm 2010 và ngày 27 tháng 12 năm 2010.
- Ngày đáo hạn : ngày 01 tháng 6 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2015.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 3,5%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đình Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m<sup>2</sup>.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	142.504.048.744	26.385.764.823	30.610.305.814	138.279.507.753
Vay dài hạn đến hạn trả	74.250.000.000	-	28.339.375.764	45.910.624.236
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>716.754.048.744</u></b>	<b><u>26.385.764.823</u></b>	<b><u>58.949.681.578</u></b>	<b><u>684.190.131.989</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	259.500.328.124	255.696.983.241
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương <sup>(a)</sup></i>	<i>27.750.328.124</i>	<i>23.946.983.241</i>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương <sup>(b)</sup></i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương <sup>(c)</sup></i>	<i>111.750.000.000</i>	<i>111.750.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>259.500.328.124</u></b>	<b><u>255.696.983.241</u></b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 155TT/14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### c. Trái phiếu phát hành

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trái phiếu thường <sup>(a)</sup>	600.000.000.000	600.000.000.000
Trái phiếu thường <sup>(b)</sup>	400.000.000.000	400.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.000.000.000.000</u></b>	<b><u>1.000.000.000.000</u></b>

- (a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.
- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
  - Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
  - Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
  - Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.

- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
- Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm	Trên 01 năm đến	
		trở xuống	05 năm	
Vay dài hạn ngân hàng	305.410.952.360	45.910.624.236	259.500.328.124	-
Trái phiếu	1.500.000.000.000	500.000.000.000	1.000.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.805.410.952.360</b>	<b>545.910.624.236</b>	<b>1.259.500.328.124</b>	<b>-</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

	Số tiền vay phát		
	Số đầu năm	sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	255.696.983.241	3.803.344.883	259.500.328.124
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.255.696.983.241</b>	<b>3.803.344.883</b>	<b>1.259.500.328.124</b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	601.267.652	994.425.816
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ trong kỳ	(601.267.652)	(994.425.816)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	28.578.477.278	28.209.477.278
Dự án Khu đô thị IJC	3.133.148.632	3.133.148.632
<b>Cộng</b>	<b><u>31.711.625.910</u></b>	<b><u>31.342.625.910</u></b>

#### 21. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu.*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	30.644.475.288	172.895.429.345	2.955.905.380.633
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	227.431.422.109	227.431.422.109
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(4.821.057.938)	(4.821.057.938)
Kết chuyển các quỹ trong năm	-	-	50.961.906.875	-	50.961.906.875
Chia cổ tức	-	-	-	(164.516.715.000)	(164.516.715.000)
Số dư cuối năm trước	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>81.606.382.163</u>	<u>230.989.078.516</u>	<u>3.064.960.936.679</u>
Số dư đầu năm nay	2.741.945.250.000	10.420.226.000	81.606.382.163	230.989.078.516	3.064.960.936.679
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	30.632.243.147	30.632.243.147
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>81.606.382.163</u>	<u>261.621.321.663</u>	<u>3.095.593.179.826</u>

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	-	17.512.220.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17.512.220.000</u></b>

#### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	274.194.525
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	<b>120.826.210.489</b>	<b>74.818.442.749</b>
- Doanh thu bán vé cầu đường	50.523.580.662	48.047.668.448
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	68.231.545.462	20.790.825.756
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	2.071.084.365	5.979.948.545
Các khoản giảm trừ doanh thu:	808.584.073	
- Giảm giá hàng bán	27.636.364	
- Hàng bán bị trả lại	780.947.709	1.473.845.702
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>120.017.626.416</u></b>	<b><u>73.344.597.047</u></b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán vé cầu đường	50.523.580.662	48.047.668.448
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	67.422.961.389	19.316.980.054
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	2.071.084.365	5.979.948.545

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	10.876.550.163	10.746.365.572
Giá vốn kinh doanh bất động sản	46.202.750.943	15.058.207.734
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	2.874.910.848	5.544.816.328
<b>Cộng</b>	<b><u>59.954.211.954</u></b>	<b><u>31.349.389.634</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	236.597.723	131.477.656
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	40.373.736	24.087.133
<b>Cộng</b>	<b><u>276.971.459</u></b>	<b><u>155.564.789</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.175.974.812	8.430.986.600
Tiền lãi cổ tức chậm trả	3.222.007.802	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.397.982.614</u></b>	<b><u>8.430.986.600</u></b>

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí chiếm trên 10% tổng chi phí bán hàng:	<b>7.581.578.096</b>	<b>5.803.384.539</b>
Chi phí cho nhân viên	3.235.747.929	3.600.213.015
Chi phí nguyên vật liệu	926.739.259	1.589.328.615
Chi phí hoa hồng môi giới	3.419.090.908	613.842.909

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các chi phí bán hàng khác:</b>	<b>816.081.547</b>	<b>2.110.885.619</b>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	28.591.404	100.983.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.401.838	137.847.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.064.084	759.240.574
Chi phí khác	330.024.221	1.112.814.747
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng:</b>	<b>(145.454.545)</b>	<b>(233.309.650)</b>
Chi phí hoa hồng môi giới	(145.454.545)	(233.309.650)
<b>Cộng</b>	<b><u>8.252.205.098</u></b>	<b><u>7.680.960.508</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các chi phí chiếm trên 10% tổng chi phí quản lý</b>	<b>2.983.583.011</b>	<b>3.396.309.140</b>
Chi phí cho nhân viên	2.983.583.011	3.396.309.140
<b>Các chi phí quản lý khác:</b>	<b>1.597.449.057</b>	<b>2.156.712.939</b>
Chi phí nguyên vật liệu	103.261.286	101.809.503
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	142.554.201	466.424.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	222.442.281	223.133.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.027.778	560.517.149
Chi phí khác	768.163.511	804.828.204
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý:</b>	<b>(10.749.836)</b>	<b>(5.448.975)</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(10.749.836)	(5.448.975)
<b>Cộng</b>	<b><u>4.570.282.232</u></b>	<b><u>5.547.573.104</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bồi thường	66.440.000	139.401.819
Thu nhập khác	10.045.316	300.800
<b>Cộng</b>	<b><u>76.485.316</u></b>	<b><u>139.702.619</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng của các căn hộ Aroma thanh lý	-	1.286.002.654
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	10.042.615	66.020.000
Chi phí khác	31.665.001	-
<b>Cộng</b>	<b><u>41.707.616</u></b>	<b><u>1.352.022.654</u></b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.990.167.208	4.516.187.175
Chi phí nhân công	6.874.425.834	8.250.902.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.203.504.964	9.179.121.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.054.084.221	4.588.043.858
Chi phí khác	5.414.028.874	2.991.285.347
<b>Cộng</b>	<b><u>26.536.211.101</u></b>	<b><u>29.525.540.512</u></b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

##### *Các giao dịch không bằng tiền*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư chưa thanh toán	212.502.144.271	212.502.144.271
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	-

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	254.677.500	253.539.000
Tiền thưởng	104.892.500	84.513.000
<b>Cộng</b>	<b><u>359.570.000</u></b>	<b><u>338.052.000</u></b>

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty trong cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	3.562.187.327	4.608.770.215
Lãi cổ tức phải trả	3.222.007.802	
Tiền điện sử dụng tại công trình Prince Town	15.096.200	-
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Aroma	1.818.695	-
<b>Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex</b>		
Thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.125.000.000	1.451.225.435
Mua hàng hoá, dịch vụ	92.669.745	146.711.160
<b>Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex</b>		
Mua hàng hoá, dịch vụ	39.405.362	-
Thuê mặt bằng, trang thiết bị	810.000.000	-
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Mua vật liệu xây dựng	1.563.043.438	-
<b>Công ty cổ phần phát triển đô thị</b>		
Ứng tiền mua vật liệu xây dựng		161.090.019
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</b>		
Ứng tiền mua vật liệu xây dựng	3.882.432	140.891.500
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Phải thu tiền mua căn hộ chung cư IJC Aroma theo HĐ 078/IJC-AROMA-A/2011	43.776.708.000	43.776.708.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	463.225.849.944	459.663.662.617
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu tiền cung cấp giàn phơi đồ và trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	358.442.278
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	5.680.958	5.782.849

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex</b>		
Phải thu tiền thuê mặt bằng, trang thiết bị	412.500.000	412.500.000
Phải thu tiền bán tài sản, công cụ	-	6.699.200
Cổ tức phải thu	4.054.804.082	4.054.804.082
<b>Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex</b>		
Phải thu tiền thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.188.000.000	297.000.000
Phải thu tiền bán tài sản, công cụ	57.000.000	57.000.000
<b>Công ty cổ phần phát triển đô thị</b>		
Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	163.758.663.850	163.758.663.850
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>706.837.649.112</b>	<b>702.391.262.876</b>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	29.314.692.000	29.314.692.000
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 4 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu dân cư River Garden theo hợp đồng 405/HĐKT	93.859.078.500	93.859.078.500
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18-19, 5B22-23, 5B30-31)	5.879.472.600	5.879.472.600
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBD	226.379.505.000	226.379.505.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự Sunflower mở rộng theo hợp đồng 158/DTMBD	8.000.000	8.000.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Phố thương mại Prince Town mở rộng theo hợp đồng 159/DTMBD	4.000.000	4.000.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng 5 tầng Becamex Tower theo hợp đồng 01/IDC-BT/2010	192.234.897.479	192.234.897.479
Phải trả tiền điện thấp sáng 5 tầng tòa nhà Becamex Tower	577.288.619	577.288.619

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền quyết toán khối lượng thi công hệ thống thoát nước QL13-HĐ 413/2007QL13	25.040.872.374	25.040.872.374
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	1.017.316.160	1.017.316.160
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	30.659.603.799	21.238.822.512
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower	3.135.605.877	1.338.332.622
Cổ tức phải trả	322.200.786.200	322.200.786.200
Lãi cổ tức phải trả	33.556.921.758	30.334.913.956
Phải trả tiền mua tài sản cố định Trung tâm thương mại	11.805.121.757	11.805.121.757
Phải trả tiền mua công cụ, dụng cụ Trung tâm thương mại	2.752.722.502	2.752.722.502
<b>Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex</b>		
Phải trả tiền dịch vụ	-	60.830.988
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</b>		
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng bất động sản - Dự án City Garden	688.995.000	688.995.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>979.114.879.625</b>	<b>964.735.648.269</b>
<b>2. Chi phí lãi vay vốn hoá</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá	45.422.759.207	8.293.621.659
<b>Tổng chi phí lãi vay</b>	<b>52.598.734.019</b>	<b>16.724.608.259</b>

Tỷ lệ vốn hóa 86% 50%

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê gian hàng trong trung tâm thương mại Becamex Tower.
- Lĩnh vực khác: xây dựng nhà, trang trí nội thất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm từ trang 32 đến trang 34

#### **Khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

#### **4. Thuê hoạt động**

##### **Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	38.940.000	233.640.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.940.000</b>	<b>233.640.000</b>

Công ty thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 02 năm đến 06 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê hàng năm được quy định trong hợp đồng.

#### **5. Số liệu so sánh**

Kỳ này Công ty đã điều chỉnh số liệu do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh năm trước như sau:

	Mã số mới	Mã số cũ	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm		Số liệu sau điều chỉnh
			trước	Các điều chỉnh	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	135	36.226.375.710	3.695.745.324	39.922.121.034
Tài sản ngắn hạn khác	155	158	3.695.745.324	(3.695.745.324)	-
Phải thu dài hạn khác	216	218	459.663.662.617	568.478.140	460.232.140.757
Tài sản dài hạn khác	268	268	568.478.140	(568.478.140)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	417	30.644.475.288	50.961.906.875	81.606.382.163
Quỹ dự phòng tài chính	-	418	50.961.906.875	(50.961.906.875)	-

#### **6. Quản lý rủi ro tài chính**

##### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng tài chính tốt, hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.508.200.098	-	-	-	62.508.200.098
Phải thu khách hàng	1.098.285.541.956	-	243.768.080.968	-	1.342.053.622.924
Các khoản phải thu khác	505.377.849.938	-	-	-	505.377.849.938
<b>Cộng</b>	<b>1.666.171.591.992</b>	<b>-</b>	<b>243.768.080.968</b>	<b>-</b>	<b>1.909.939.672.960</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.527.009.757	-	-	-	98.527.009.757
Phải thu khách hàng	1.130.427.558.953	-	216.446.742.668	-	1.346.874.301.621
Các khoản phải thu khác	495.943.020.890	-	-	-	495.943.020.890
<b>Cộng</b>	<b>1.724.897.589.600</b>	<b>-</b>	<b>216.446.742.668</b>	<b>-</b>	<b>1.941.344.332.268</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	71.395.540.143	67.370.732.509
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	45.305.415.678	41.626.343.590
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	48.466.172.038	46.059.103.709
Quá hạn trên 02 năm đến trên 03 năm	40.882.527.709	25.893.306.460
Quá hạn trên 03 năm	37.718.425.400	35.497.256.400
<b>Cộng</b>	<b>243.768.080.968</b>	<b>216.446.742.668</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	333.865.461.364	255.694.197.000	-	589.559.658.364
Vay và nợ	720.452.619.109	1.907.452.740.103	-	2.627.905.359.212
Các khoản phải trả khác	1.048.260.504.577	778.500.000	-	1.049.039.004.577
<b>Cộng</b>	<b>2.102.578.585.050</b>	<b>2.163.925.437.103</b>	-	<b>4.266.504.022.153</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	592.329.215.183	-	-	592.329.215.183
Vay và nợ	918.697.596.741	1.777.887.022.009	-	2.696.584.618.750
Các khoản phải trả khác	974.319.959.471	1.117.528.879	-	975.437.488.350
<b>Cộng</b>	<b>2.485.346.771.395</b>	<b>1.779.004.550.888</b>	-	<b>4.264.351.322.283</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	(1.943.690.460.113)	(1.972.451.031.985)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(1.943.690.460.113)</b>	<b>(1.972.451.031.985)</b>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 30.968.836.981 VND (năm trước giảm/tăng 9.134.724.968 VND).

#### Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### 7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.508.200.098	-	98.527.009.757	-	62.508.200.098	98.527.009.757
Phải thu khách hàng	1.342.053.622.924	-	1.346.874.301.621	-	1.342.053.622.924	1.346.874.301.621
Các khoản phải thu khác	505.377.849.938	-	495.943.020.890	-	505.377.849.938	495.943.020.890
<b>Cộng</b>	<b>1.909.939.672.960</b>	<b>-</b>	<b>1.941.344.332.268</b>	<b>-</b>	<b>1.909.939.672.960</b>	<b>1.941.344.332.268</b>

##### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	1.943.690.460.113	1.972.451.031.985	1.943.690.460.113
Phải trả người bán	589.559.658.364	592.329.215.183	589.559.658.364	592.329.215.183
Các khoản phải trả khác	1.049.039.004.577	975.437.488.350	1.049.039.004.577	975.437.488.350
<b>Cộng</b>	<b>3.582.289.123.054</b>	<b>3.540.217.735.518</b>	<b>3.582.289.123.054</b>	<b>3.540.217.735.518</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2015

  
Lương Thị Ngọc Trinh  
Người lập biểu

  
Trịnh Thanh Hùng  
Kế toán trưởng



**Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Kỳ này	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	50.523.580.662	67.422.961.389	2.071.084.365	-	-	120.017.626.416
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>50.523.580.662</b>	<b>67.422.961.389</b>	<b>2.071.084.365</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>120.017.626.416</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.470.292.324	6.626.357.962	(976.734.309)	-	-	37.119.915.977
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						37.119.915.977
Doanh thu hoạt động tài chính						276.971.459
Chi phí tài chính						(276.971.459)
Thu nhập khác						76.485.316
Chi phí khác						(41.707.616)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(6.522.450.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>30.632.243.147</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.315.549.190</b>	<b>14.746.607</b>	<b>546.424.163</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.876.719.960</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>8.438.128.839</b>	<b>378.571.454</b>	<b>1.878.316.196</b>	<b>788.849.149</b>	<b>-</b>	<b>11.483.865.638</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sân	Hoạt động kinh doanh bất động sân đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	48.047.668.448	19.316.980.054	5.979.948.545	-	-	73.344.597.047
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>48.047.668.448</b>	<b>19.316.980.054</b>	<b>5.979.948.545</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>73.344.597.047</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.306.462.663	(313.329.528)	(226.459.334)	-	-	28.766.673.801
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						28.766.673.801
Doanh thu hoạt động tài chính						155.564.789
Chi phí tài chính						(8.430.986.600)
Thu nhập khác						139.702.619
Chi phí khác						(1.352.022.654)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(1.405.409.002)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>17.873.522.953</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.308.759.806</b>	<b>7.097.900</b>	<b>196.902.218</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.512.759.924</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>9.060.027.229</b>	<b>622.731.229</b>	<b>2.440.620.325</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.123.378.783</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

  
**LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH**  
 Người lập biểu

  
**TRỊNH THANH HÙNG**  
 Kế toán trưởng



Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

**ĐỖ QUANG NGÔN**  
 Tổng Giám đốc

**Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động bán vé cầu đường</u>	<u>Hoạt động kinh doanh bất động sản</u>	<u>Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	557.832.498.932	5.336.180.557.103	212.159.935.679	494.675.303.106	-	6.600.848.294.820
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						121.898.097.071
<b>Tổng tài sản</b>						<b>6.722.746.391.891</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.240.872.374	2.642.259.586.444	193.521.531.185	185.408.261.475	-	3.046.430.251.478
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						580.722.960.587
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>3.627.153.212.065</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	562.807.856.556	5.262.406.007.856	204.354.295.324	514.423.841.254	-	6.543.992.000.990
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						170.388.361.732
<b>Tổng tài sản</b>						<b>6.714.380.362.722</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	55.505.982.907	2.589.492.104.441	209.330.688.535	174.306.830.294	-	3.028.635.606.177
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						620.783.819.866
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>3.649.419.426.043</b>



**LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH**  
Người lập biểu



**TRỊNH THANH HÙNG**  
Kế toán trưởng



Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

**ĐỖ QUANG NGÕN**  
Tổng Giám đốc